

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2017

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Bùi Thị Thúy.

2. Ông Phạm Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-KDTM ngày 24/7/2017, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Tên viết tắt: Ngân hàng Đại Dương).

Địa chỉ: Số A, đường N, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Đại Dương.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 190/2017 ngày 07/4/2017): Ông Trần Trung D – Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Đại Dương.

Người được ông Trần Trung D ủy quyền lại (Theo văn bản ủy quyền số 512/2017 ngày 26/7/2017): Ông Đỗ Ngọc S – Giám đốc chi nhánh Hải Dương (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Đỗ Đức N, sinh năm 1973 và bà Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1975. Đều có địa chỉ cư trú: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Bà T ủy quyền cho ông N (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017) (ông N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMTHMTV Đại Dương (Tên viết tắt Ngân hàng Đại Dương) trình bày: Ngày 14/9/2009 vợ chồng ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T ký hợp đồng tín dụng số 13Tr/2009/HĐTD vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Hải Dương – Phòng giao dịch G, vay số tiền 150.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 10,5%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn. Phương thức trả tiền, nợ gốc trả cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng vào ngày ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng nông sản rau của quả các loại. Kèm theo Hợp đồng tín dụng là Giấy nhận nợ số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản tiền vay, ông N và bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 200m² đất, thửa đất số 298, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 051606 do UBND huyện G cấp ngày 25/8/2001 mang tên ông Đỗ Đức N cùng tài sản gắn liền trên đất nhà xây mái ngói 01 tầng, công trình phụ riêng biệt thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 13Tr/2009/HĐTC/GL ngày 14/9/2009, Hợp đồng thế chấp được UBND xã P chứng thực việc giao kết giữa Ngân hàng TMCP Đại Dương và bên thế chấp ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 13Tr/2009/HĐTD, Giấy nhận nợ số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 Ngân hàng đã giải ngân cho ông N, bà T rút số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 14/9/2009. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N, bà T mới thanh toán trả Ngân hàng Đại Dương được số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi là 13.219.000 đồng, sau đó ông N và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên khoản tiền vay trên đã bị chuyển

sang nợ quá hạn từ ngày 14/9/2010. Như vậy ông N và bà T còn nợ số tiền gốc là 130.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn là 124.898.778 đồng; lãi phạt (Phạt lãi chậm trả, phạt gốc chậm trả) là 66.352.729 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 321.251.507 đồng. Do ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ nên Ngân hàng Đại Dương khởi kiện ra Tòa án:

1. Yêu cầu ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T thanh toán trả cho Ngân hàng Đại Dương số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số tiền là 321.251.507 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 130.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn là 124.898.778 đồng; lãi phạt (Phạt lãi chậm trả, phạt gốc chậm trả) là 66.352.729 đồng và lãi suất tiếp theo cho đến khi ông N, bà T trả xong khoản tiền nợ.

2. Nếu ông N, bà T không thanh toán trả nợ, Ngân hàng Đại Dương yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông N, bà T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 13Tr/2009/HĐTC/GL ngày 14/9/2009.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông N, bà T (Ông N được bà T ủy quyền) trình bày: Ngày 14/9/2009 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng số 13Tr/2009/HĐTD và Giấy nhận nợ số 13 Tr/2009 ngày 14/9/2009 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương số tiền 150.000.000đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán trả nợ, vợ chồng ông đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất ở 200m², số thửa 298, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, theo giấy nhận quyền sử dụng đất số C 051606 do UBND huyện G cấp ngày 25/8/2001 mang tên ông Đỗ Đức N, tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 có chứng thực của UBND xã P và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G. Sau khi vay số tiền trên, vợ chồng ông đã trả được cho Ngân hàng Đại Dương số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi suất như số liệu của Ngân hàng cung cấp là 13.219.000đồng, sau đó do làm ăn kinh tế bị thua lỗ, mặt khác do tin tưởng ông Nguyễn Văn T nguyên trưởng phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP Đại Dương nên ông đã đưa tiền cho ông T nhờ trả hộ cho Ngân hàng nhưng ông T không trả và đã chiếm dụng số tiền này của ông. Nay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương khởi kiện vợ chồng ông, yêu cầu phải trả số tiền nợ gốc 130.000.000đồng và tiền lãi suất là đúng, tuy N ông đề nghị Ngân hàng cho ông trả số nợ gốc 130.000.000 đồng còn tiền lãi đề nghị Ngân hàng miễn giảm toàn bộ cho vợ chồng ông. Nếu Ngân hàng không chấp nhận, vợ chồng ông nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông N và bà T thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 thì thấy: Diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đăng ký thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 200m², diện tích đo đạc thực tế hiện trạng là 185m², sở dĩ diện tích đất theo hiện trạng bị hụt đi so với diện tích đất thế chấp là do ông N, bà T đã hiến một phần diện tích đất làm đình làng, tài sản trên đất hiện nay chỉ còn công trình phụ đã xuống cấp. Tại phiên tòa bên nhận thế chấp tài sản và bên thế chấp tài sản đều thống nhất xác định tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp chỉ còn diện tích đất ở 185m², tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, tài sản trên đất có công trình phụ đã xuống cấp. Nếu ông N, bà T không thanh toán trả nợ khoản tiền vay thì ông N đồng thời là người được bà T ủy quyền nhất trí để Ngân hàng Đại Dương được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với diện tích đất ở 185m² cùng tài sản trên đất theo hiện trạng như hiện nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương. Buộc ông N và bà T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 13Tr/2009/HĐTD ngày 14/9/2009 cho Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương. Số tiền nợ gốc là 130.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn; lãi phạt nợ gốc quá hạn; lãi phạt chậm trả và tiền lãi suất tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

Về xử lý tài sản thế chấp: Đối với quyền sử dụng đất, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông N và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên thì Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc tiến hành phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 13Tr/2009/HĐTC ngày 14/9/2009 đối với quyền sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất theo hiện trạng để thu hồi nợ: Gồm quyền sử dụng diện tích 185m² đất, thửa đất số 298, tờ bản đồ số 7, tại thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Đức N cùng công trình phụ đã xuống cấp nằm trên đất. Nếu tài sản thế chấp phát mãi không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông N và bà T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương số tiền còn thiếu.

Về án phí: Ông N và bà T phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T trả nợ tiền gốc, tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng số 13Tr/2009/HĐTD ngày 14/9/2009 và Giấy nhận nợ số 13 Tr/2009 ngày 14/9/2009. Ngày 14/9/2009 ông N và bà T ký hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Đại Dương nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương số tiền 150.000.000đồng, Ngân hàng Đại Dương giải ngân bằng hình thức ông N rút tiền mặt số tiền vay 150.000.000đồng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa bên cho vay Ngân hàng TMCP Đại Dương và bên vay vốn vợ chồng ông N và bà T thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự, các Điều 90, 91, 93, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

2.2. Đối chiếu với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn, giấy nhận nợ cũng như quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì ông N và bà T đã vi phạm về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại mục 5.1 Điều 5 và mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Nên Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương khởi kiện yêu cầu ông N và bà T phải trả số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ. Nguyên đơn cung cấp thông tin dư nợ về khoản tiền vay của ông N và bà T phải trả, cụ thể: Tiền nợ gốc còn lại là 130.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn là 124.898.778 đồng; Lãi phạt nợ gốc quá hạn và lãi phạt chậm trả là 66.352.729 đồng. Ông N nhất trí về số tiền nợ gốc và tiền lãi này nhưng đề

ngợi xin miễn toàn bộ số tiền lãi, xong người nhận ủy quyền lại của nguyên đơn không nhất trí nên buộc ông N và bà T phải trả Ngân hàng Đại Dương tổng cộng số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi suất phải trả tính đến ngày 26/9/2017 là 321.251.507 đồng. Ông N và bà T còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 27/9/2017 đến ngày ông N và bà T trả nợ hết cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2.3. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì thấy: Ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T thế chấp tài sản cho bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Đại Dương nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009. Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản có chứng thực của UBND xã Phạm Trấn, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 323 của Bộ luật dân sự, Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 có giá trị pháp lý kể từ thời điểm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng tài nguyên và Môi trường huyện Gia Lộc chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 14/9/2009. Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 thì tài sản ông N bà T thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay của hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng diện tích 200m² đất ở, thửa đất số 298, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, tài sản trên đất có 01 nhà xây mái ngói 01 tầng, công trình phụ riêng biệt, bên thế chấp tài sản và bên nhận thế chấp tài sản thỏa thuận định giá trị giá 430.000.000 đồng, việc định giá này chỉ làm cơ sở để cấp hạn mức tín dụng, không có giá trị khi xử lý phát mại tài sản. Đối chiếu với các quy định của pháp luật thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 có nội dung, hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Tại Điều 6 hợp đồng thế chấp quy định về việc bán, chuyển nhượng tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ. Điều 8 quy định về quyền, nghĩa vụ của bên A. Bên A có quyền xử lý tài sản theo Điều 6 của Hợp đồng này. Phần chứng thực Hợp đồng thế chấp được giao kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Đại Dương và bên thế chấp ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T thể hiện các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo

đức xã hội. Các bên trong hợp đồng đã đọc kỹ, hiểu rõ nội dung của hợp đồng này và tự nguyện ký kết hợp đồng (Điều 11 HĐTC), phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự và Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm .

2.4. Căn cứ quá trình thực hiện việc trả nợ và nội dung thỏa thuận vay nợ tại hợp đồng tín dụng số 13Tr/2009/HĐTD ngày 14/9/2009 thì ông N và bà T không thanh toán trả nợ tiền gốc và tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng, đã vi phạm Điều 5 hợp đồng tín dụng quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do vậy nếu ông N và bà T không thanh toán trả nợ Ngân hàng Đại Dương, Ngân hàng có quyền yêu xử lý tài sản của ông N, bà T đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng và Điều 8 hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa ông N và bà T với Ngân hàng là có căn cứ.

2.5. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp thì diện tích đất ông N và bà T thế chấp là 200m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 051606 do UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cấp mang tên ông Đỗ Đức N. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/9/2017 thì hiện trạng diện tích đất ông N, bà T hiện đang sử dụng chỉ còn 185m², nguyên nhân do ông N, bà T đã hiến một phần diện tích đất này làm đình làng, ngoài ra trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên ông Đỗ Đức N ghi số thửa không đồng nhất, phần trang 2 giấy chứng nhận ghi số thửa 298 nhưng tại trang 3 giấy chứng nhận thể hiện tại trên phần hình thể thửa đất ghi 174. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã P và Phòng tài nguyên và Môi trường huyện G đã xác định sở dĩ có sự ghi sai số thửa này là do có sự nhầm lẫn khi điền các thông tin của thửa đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Đức N là thửa đất số 298, ông N, bà T đã đăng ký thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương là hợp pháp. Đối với tài sản gắn liền trên đất thế chấp tại thời điểm thế chấp bên thế chấp và bên nhận thế chấp xác định trên đất thế chấp có 01 nhà mái ngói 01 tầng, công trình phụ riêng biệt. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy tài sản trên đất thế chấp chỉ còn công trình phụ đã xuống cấp. Tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2017 và tại phiên tòa bên thế chấp và bên nhận thế chấp đều thống nhất xác định tài sản gắn liền trên đất thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 13Tr/2009 ngày 14/9/2009 chỉ còn công trình phụ đã xuống cấp. Nếu sau này ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ Ngân hàng thì bị

đơn ông N đồng thời là người được bà T ủy quyền nhất trí đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản quyền sử dụng đất diện tích đất còn 185m² cùng tài sản công trình phụ trên đất theo hiện trạng tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương để thu hồi nợ là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bị đơn ông N và bà T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng số tiền 321.252.507 đồng nên phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại cụ thể số tiền án phí ông N, bà T phải chịu là 321.252.507 đồng x 5% = 16.062.625 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; 147; 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 121, 122, 290, 322, 323, 342, 343, 355, 715, 716, 717, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 4, Điều 306 Luật thương mại. Các Điều 90, 91, 93, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Ngân hàng Đại Dương).

Buộc ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương, số tiền nợ gốc còn lại là 130.000.000 đồng; tiền lãi suất trong hạn là 124.898.778 đồng; tiền lãi phạt nợ gốc quá hạn và lãi phạt chậm trả 66.352.729 đồng. Tổng cộng và gốc và lãi là 321.251.507 đồng (Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2017). Kể từ ngày 27/9/2017 ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ của số tiền còn nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tiến hành phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 185m² cùng tài sản công trình phụ trên đất theo hiện trạng tại thửa đất số 298, tờ bản đồ số 7; địa chỉ thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy nhận quyền sử dụng đất số C 051606 do UBND huyện Gia Lộc cấp

ngày 25/8/2001 mang tên ông Đỗ Đức N. Nếu phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông N và bà T tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương số tiền còn thiếu. Nếu thừa thì trả lại cho ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T.

3. Về án phí: Ông Đỗ Đức N và bà Dương Thị Ngọc T phải chịu 16.062.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương số tiền 7.774.000 đồng tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AB/2014/0003500 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc,
- Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến

